

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Minh Đạm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	340001	Nguyễn Đình Khang An	x	03/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	7.75	6.25	20.00
2	340002	Phạm Gia An		09/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	8.25	4.75	19.25
3	340003	Nguyễn Hoài An		02/02/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	9.00	6.00	21.25
4	340004	Đặng Hoàng Nhã An	x	06/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	8.25	9.00	6.75	24.00
5	340005	Phan Lê Minh An	x	25/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	8.75	8.25	24.00
6	340006	Nguyễn Ngọc Thúy An	x	27/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	8.75	8.75	23.75
7	340007	Đinh Phạm Thúy An	x	12/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.75	4.25	19.25
8	340008	Lê Thái An		22/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	8.75	8.00	21.50
9	340009	Lê Đoàn Quỳnh Anh	x	17/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	6.25	4.75	15.75
10	340010	Nguyễn Hà Anh	x	06/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	8.00	7.25	21.75
11	340011	Vũ Hoàng Trúc Anh	x	22/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	8.75	9.00	23.75
12	340012	Đặng Lê Nhật Anh		23/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	8.50	6.75	21.00
13	340013	Hoàng Minh Anh	x	30/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.25	8.75	9.25	25.25
14	340014	Nguyễn Ngọc Xuân Anh	x	02/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	7.00	4.25	16.50
15	340015	Lê Phạm Tuấn Anh		22/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	7.75	7.25	19.75
16	340016	Lê Quốc Anh		04/02/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.25	9.00	9.75	24.00
17	340017	Mai Thị Dung Anh	x	08/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	9.00	7.00	22.25
18	340018	Võ Thị Kim Anh	x	29/09/2009	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	6.50	4.75	18.25
19	340019	Hồ Trần Hoàng Anh	x	30/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.25	8.25	7.75	21.25
20	340020	Nguyễn Lê Ngọc Ánh	x	10/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	7.75	5.00	18.75
21	340021	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	x	20/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	9.00	4.75	20.25
22	340022	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	x	20/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	8.50	5.00	19.50
23	340023	Hoàng Gia Bảo		16/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	8.25	7.00	21.00
24	340024	Nguyễn Gia Bảo		13/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	7.00	3.50	15.00
25	340025	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		13/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	8.75	6.75	21.00
26	340026	Phạm Hoàng Gia Bảo		01/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	9.00	4.25	20.25
27	340027	Lã Hoàng Bách		16/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	8.25	8.75	21.75
28	340028	Trần Xuân Bách		01/01/2010	THCS ngoài tỉnh	4.25	9.00	6.50	19.75
29	340029	Phan Nguyễn Khánh Băng	x	14/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.50	6.75	18.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
30	340030	Huỳnh Quốc Bình		29/03/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.25	6.75	6.00	20.00
31	340031	Lê Thanh Bình		30/04/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	7.25	9.75	22.00
32	340032	Trần Hoàng Ngọc Bích	x	12/11/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.25	4.75	4.75	14.75
33	340033	Trần Như Bích	x	06/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.25	8.25	7.00	21.50
34	340034	Nguyễn Thị Ngọc Bích	x	17/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	7.75	8.25	22.25
35	340035	Lâm Hoàng Bảo Châu		17/10/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	8.25	5.25	20.25
36	340036	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	x	25/12/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	8.00	4.25	19.00
37	340037	Trần Khánh Chi	x	01/01/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.25	7.25	5.25	18.75
38	340038	Đỗ Thị Kim Chi	x	27/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	7.50	6.00	17.25
39	340039	Phạm Thị Kim Chi	x	03/04/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	7.00	8.25	6.25	21.50
40	340040	Bùi Thị Thúy Chi	x	31/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.00	6.75	4.50	18.25
41	340041	Phan Thùy Chi	x	21/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.75	7.50	22.00
42	340042	Phạm Ngọc Chí		19/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	8.00	6.75	20.50
43	340043	Đinh Công Chính		05/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.00	3.75	5.25	11.00
44	340044	Nguyễn Mạnh Cường		01/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	7.00	3.75	16.00
45	340045	Nguyễn Thành Danh		22/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	8.50	6.75	20.75
46	340046	Nguyễn Thúy Diễm	x	26/03/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	8.00	7.75	22.25
47	340047	Nguyễn Trúc Diễm	x	07/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.00	7.25	22.00
48	340048	Vũ Long Ngọc Diệp	x	09/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	7.25	5.50	20.50
49	340049	Nguyễn Xuân Diệu		10/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	7.00	5.50	16.75
50	340050	Đào Khánh Duy		19/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	8.50	9.00	24.00
51	340051	Nguyễn Thanh Duy		22/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	8.00	7.50	8.75	24.25
52	340052	Phạm Hoài Mỹ Duyên	x	19/03/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	9.00	7.25	22.75
53	340053	Trần Thị Mỹ Duyên	x	03/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.75	6.25	21.75
54	340054	Đào Nguyễn Bảo Dũng		07/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	8.50	6.00	19.75
55	340055	Nguyễn Tiến Dũng		20/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	7.50	3.00	15.00
56	340056	Nguyễn Ngọc Bạch Dương	x	26/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	7.75	8.75	8.75	25.25
57	340057	Nguyễn Quốc Dương		22/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	6.00	3.00	16.00
58	340058	Nguyễn Vũ Linh Đan	x	21/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	6.25	9.00	21.25
59	340059	Đoàn Trần Anh Đào	x	09/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	8.75	5.75	20.25
60	340060	Nguyễn Quốc Đại		04/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	6.25	4.50	15.00
61	340061	Trần Bá Tiến Đạt		30/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	9.00	6.50	21.75
62	340062	Nguyễn Quốc Đạt		25/02/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	9.00	7.25	22.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
63	340063	Mai Thành Đạt		25/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	8.50	5.50	19.25
64	340064	Võ Thành Đạt		10/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	8.00	6.75	20.00
65	340065	Đỗ Tiến Đạt		07/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	9.00	8.00	24.50
66	340066	Lê Nhữ Xuân Đông		12/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.25	8.75	5.25	20.25
67	340067	Nguyễn Quốc Được		20/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	8.75	7.00	23.50
68	340068	Nguyễn Thành Được		03/06/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.00	5.25	2.75	14.00
69	340069	Nguyễn Anh Hồng Đức		10/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	8.00	7.50	21.50
70	340070	Huỳnh Hồng Đức		23/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	8.25	6.75	20.25
71	340071	Nguyễn Minh Đức		04/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.75	6.75	4.50	18.00
72	340072	Trần Minh Đức		05/04/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	7.50	5.50	19.00
73	340073	Võ Thành Phúc Đức		15/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.00	7.25	8.25	22.50
74	340074	Phạm Trần Hồng Cẩm Giang	x	03/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	9.00	7.00	23.75
75	340075	Nguyễn Ngọc Song Hà	x	26/06/2010	THCS Trần Nguyên Hân	8.00	8.75	6.75	23.50
76	340076	Nguyễn Thanh Hà	x	02/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	8.75	6.25	21.00
77	340077	Nguyễn Tiến Hào		02/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	9.00	4.25	19.50
78	340078	Nguyễn Thanh Hải		14/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	8.75	8.00	23.25
79	340079	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	x	18/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	5.50	4.50	15.00
80	340080	Ma Bích Hằng	x	11/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.50	6.75	23.00
81	340081	Trịnh Hoàng Minh Hằng	x	17/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	8.00	9.00	8.25	25.25
82	340082	Cao Minh Hằng	x	22/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	9.00	8.00	24.75
83	340083	Nguyễn Thúy Hằng	x	01/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	5.50	5.25	15.75
84	340084	Chung Gia Hân	x	21/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	8.00	7.50	22.00
85	340085	Đỗ Gia Hân	x	29/09/2009	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	7.75	7.25	20.50
86	340086	Lý Ngọc Hân	x	06/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	8.50	6.50	20.75
87	340087	Nguyễn Ngọc Hân	x	01/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	8.75	7.00	23.00
88	340088	Phạm Nguyễn Bảo Hân	x	04/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	8.50	8.50	24.75
89	340089	Cao Nguyễn Hoàng Hiếu Hân	x	10/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	8.75	6.50	21.00
90	340090	Lê Thị Ngọc Hân	x	13/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	8.00	6.75	5.50	20.25
91	340091	Nguyễn Trần Bảo Hân	x	19/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	8.75	4.75	20.00
92	340092	Bùi Công Hiếu		23/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	7.75	8.25	23.00
93	340093	Trần Minh Hiếu		20/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	8.00	5.75	20.50
94	340094	Đinh Quang Hiếu		08/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	7.25	7.00	20.00
95	340095	Trần Trung Hiếu		13/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.25	8.50	5.50	20.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
96	340096	Bùi Thị Bích Hoài	x	23/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	8.75	7.75	24.00
97	340097	Trần Duy Hoàng		18/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	7.00	5.50	18.25
98	340098	Trương Lê Phi Hoàng		23/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	7.75	7.50	22.25
99	340099	Bùi Thanh Kim Huệ	x	15/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	8.00	8.75	7.75	24.50
100	340100	Đỗ Gia Huy		01/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.75	8.00	7.75	22.50
101	340101	Trần Gia Huy		20/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.00	7.25	5.75	20.00
102	340102	Nguyễn Hoàng Anh Huy		07/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	8.00	5.25	20.50
103	340103	Đỗ Nguyễn Nhất Huy		29/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.25	9.00	6.50	22.75
104	340104	Ngô Quang Huy		04/03/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	8.25	5.75	20.25
105	340105	Trần Thái Gia Huy		29/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	9.00	6.25	23.00
106	340106	Nguyễn Thúy Huyền	x	01/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	8.75	4.25	20.75
107	340107	Phạm Đức Hùng		04/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	8.75	7.50	22.50
108	340108	Đỗ Phước Hùng		06/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	7.75	2.75	16.25
109	340109	Đặng Văn Hùng		05/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	8.25	6.75	21.00
110	340110	Hoàng Gia Hưng		29/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.00	8.00	6.00	21.00
111	340111	Nguyễn Hoàng Khánh Hưng		25/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	8.75	4.25	19.25
112	340112	Trần Tuấn Hưng		07/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	7.25	5.50	19.00
113	340113	Phạm Minh Hy		23/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.00	9.00	8.50	23.50
114	340114	Mã Anh Kha		11/07/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	8.50	9.50	24.25
115	340115	Đỗ Trường Khang		01/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	8.50	3.25	18.00
116	340116	Huỳnh Tuấn Khang		11/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	8.50	4.00	18.25
117	340117	Nguyễn Hoàng Quốc Khánh		03/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	7.00	4.50	18.25
118	340118	Trần Lâm Bảo Khánh	x	29/01/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.50	8.75	8.75	25.00
119	340119	Nguyễn Bảo Khiêm		24/03/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.50	8.75	8.75	25.00
120	340120	Phạm Gia Khiêm		17/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	9.00	7.75	23.25
121	340121	Trần Đào Đăng Khoa		26/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	8.50	7.75	22.25
122	340122	Nguyễn Đăng Khoa		15/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.00	7.50	4.75	18.25
123	340123	Nguyễn Đức Khoa		31/03/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	9.00	6.75	22.25
124	340124	Đặng Trung Kiên		11/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	7.75	5.75	19.50
125	340125	Nguyễn Phạm Thị Bích Kiều	x	07/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	6.75	6.50	19.25
126	340126	Thái Vân Kiệt		27/11/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.25	9.50	7.25	23.00
127	340127	Vòng Nguyễn Thiên Kim	x	23/03/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	8.25	5.50	21.75
128	340128	Trần Thị Mỹ Kim	x	30/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	8.00	7.50	22.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
129	340129	Ngô Yên Lam	x	23/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	7.50	5.75	18.50
130	340130	Hồ Thị Ngọc Lan	x	09/11/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	9.00	5.75	21.50
131	340131	Vũ Thủy Lan	x	28/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.75	5.00	20.50
132	340132	Nguyễn Vũ Phước Lập		20/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	8.25	4.00	17.25
133	340133	Đoàn Thanh Liêm		09/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	8.75	9.50	24.75
134	340134	Phạm Khánh Linh	x	01/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	7.75	6.00	19.50
135	340135	Trần Nguyễn Ánh Linh	x	30/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	7.25	7.00	19.75
136	340136	Nguyễn Phương Yến Linh	x	22/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	6.25	6.50	17.50
137	340137	Nguyễn Thị Linh	x	14/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	4.25	3.00	11.00
138	340138	Phan Thị Thùy Linh	x	25/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	8.75	6.00	21.25
139	340139	Nguyễn Văn Linh		12/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	7.50	4.25	16.00
140	340140	Nguyễn Việt Mai Linh	x	17/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	6.25	5.75	18.50
141	340141	Châu Thủy Loan	x	13/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	8.75	7.75	22.75
142	340142	Nguyễn Trần Kim Loan	x	07/03/2008	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.50	8.75	7.00	21.25
143	340143	Nguyễn Gia Long		25/02/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	8.75	8.75	24.00
144	340144	Trần Hoàng Long		17/03/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	8.50	9.25	24.25
145	340145	Trần Lâm Phi Long		17/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	8.25	7.50	20.75
146	340146	Nguyễn Việt Phi Long		18/11/2009	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	9.25	6.75	21.50
147	340147	Nguyễn Phúc Lộc		01/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	7.25	8.75	22.25
148	340148	Trần Khánh Ly	x	01/01/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	8.50	7.25	22.50
149	340149	Ung Ngọc Tuyết Mai	x	23/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	8.50	6.25	22.25
150	340150	Trần Tuyết Mai	x	10/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	8.00	4.00	17.00
151	340151	Nguyễn Đức Mạnh		17/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	7.75	3.75	16.00
152	340152	Đỗ Tấn Minh		16/04/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.25	6.25	6.00	17.50
153	340153	Nguyễn Minh Hà My	x	02/12/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	9.75	9.00	25.50
154	340154	Võ Ngọc Thảo My	x	02/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.00	3.75	17.50
155	340155	Trần Ngọc Trúc My	x	11/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	8.75	8.50	23.50
156	340156	Đặng Phạm Trà My	x	09/12/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.00	8.00	8.00	23.00
157	340157	Vũ Phương My	x	15/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	8.25	5.50	19.75
158	340158	Hoàng Thảo My	x	21/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	9.50	5.00	21.00
159	340159	Nguyễn Thị Hồng My	x	04/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	9.00	8.75	25.00
160	340160	Nguyễn Thị Trà My	x	21/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.50	8.25	8.00	23.75
161	340161	Nguyễn Trà My	x	15/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	9.00	8.75	25.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
162	340162	Thái Hoàng Gia Mỹ	x	09/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.50	8.00	5.75	21.25
163	340163	Nguyễn Thị Mỹ	x	14/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	7.75	5.25	19.00
164	340164	Nguyễn Thị Kim Mỹ	x	05/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	8.75	7.25	23.50
165	340165	Võ Thụy Như Mỹ	x	31/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	8.50	9.00	23.50
166	340166	Phan Bảo Ngân	x	24/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.75	9.00	8.00	24.75
167	340167	Nguyễn Kim Ngân	x	22/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	8.50	7.25	21.75
168	340168	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	x	29/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	9.00	6.25	22.25
169	340169	Huỳnh Ngọc Thanh Ngân	x	29/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	9.00	7.75	21.75
170	340170	Phan Thanh Ngân	x	10/09/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	8.50	9.25	23.50
171	340171	Nguyễn Thành Kim Ngân	x	28/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.25	8.75	6.25	20.25
172	340172	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	x	23/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.00	5.75	5.75	16.50
173	340173	Hồ Tuyết Ngân	x	07/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.75	8.75	24.25
174	340174	Phạm Võ Thanh Ngân	x	20/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.50	9.00	7.25	23.75
175	340175	Nguyễn Võ Thúy Ngân	x	17/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	9.00	9.50	25.25
176	340176	Nguyễn Châu Huệ Nghi	x	21/04/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	8.50	9.00	24.50
177	340177	Bùi Đạt Nghĩa		03/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.75	7.75	5.00	18.50
178	340178	Lê Quốc Nghĩa		21/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	8.75	8.75	23.25
179	340179	Lê Bảo Ngọc	x	07/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	8.00	9.00	9.50	26.50
180	340180	Trần Bảo Ngọc	x	22/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	9.00	7.25	23.25
181	340181	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	x	18/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.25	9.00	7.00	23.25
182	340182	Trần Hoàng Phương Ngọc	x	08/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	8.50	6.25	19.50
183	340183	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	x	10/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	8.50	6.75	22.00
184	340184	Nguyễn Như Ngọc	x	08/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	9.00	6.75	22.00
185	340185	Nguyễn Như Ngọc	x	24/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	8.25	8.75	9.00	26.00
186	340186	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	x	06/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	7.75	4.25	17.50
187	340187	Bùi Thị Bích Ngọc	x	03/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	8.75	4.75	20.75
188	340188	Trần Thị Bích Ngọc	x	07/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	8.00	6.00	19.25
189	340189	Nguyễn Trần Thu Ngọc	x	27/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	6.00	5.50	16.75
190	340190	Nguyễn Vũ Khánh Ngọc	x	08/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	7.50	6.75	19.25
191	340191	Đỗ Thảo Nguyên	x	18/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.25	5.50	6.25	16.00
192	340192	Nguyễn Thế Khôi Nguyên		25/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	9.00	6.00	20.00
193	340193	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	x	21/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	7.75	7.50	20.50
194	340194	Nguyễn Bảo Nguyễn		06/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	8.75	7.25	22.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
195	340195	Thập Nguyễn Ánh Nguyệt	x	01/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	8.50	1.75	16.25
196	340196	Nguyễn Thành Nhân		01/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	8.50	5.25	17.50
197	340197	Nguyễn Trọng Nhân		28/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	3.00	8.75	5.25	17.00
198	340198	Phạm Minh Nhật		09/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	8.75	6.75	19.50
199	340199	Huỳnh Ngọc Bảo Nhi	x	29/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.00	8.50	6.00	18.50
200	340200	Trần Ngọc Đông Nhi	x	24/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	8.75	8.75	21.50
201	340201	Trần Ngọc Yến Nhi	x	24/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	8.75	8.50	22.00
202	340202	Lê Nguyễn Yến Nhi	x	17/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	8.50	5.75	20.75
203	340203	Đặng Phương Nhi	x	10/05/2009	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	8.75	8.25	20.75
204	340204	Nguyễn Vũ Quỳnh Nhi	x	23/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	8.50	6.50	19.75
205	340205	Đỗ Ánh Kim Như	x	07/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	8.75	4.00	18.75
206	340206	Ung Huỳnh Hoàng Như	x	18/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	8.50	7.00	20.25
207	340207	Trịnh Lê Quỳnh Như	x	15/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	8.25	7.25	21.75
208	340208	Huỳnh Nguyễn Ngọc Như	x	25/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	6.50	6.50	19.00
209	340209	Mai Phương Như	x	20/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	6.50	2.75	15.75
210	340210	Lê Trần Thảo Như	x	02/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	8.75	8.00	23.75
211	340211	Nguyễn Võ Ý Như	x	27/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	8.75	8.75	25.00
212	340212	Hoàng Vũ Quỳnh Như	x	24/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	5.75	3.75	14.00
213	340213	Triệu Vũ Quỳnh Như	x	29/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	7.25	4.50	17.25
214	340214	Nguyễn Thị Kiều Oanh	x	26/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	8.25	6.50	18.50
215	340215	Bùi Thị Kim Oanh	x	09/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	7.50	4.25	17.75
216	340216	Vũ Tân Hoàng Phát		21/12/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.75	8.00	6.75	21.50
217	340217	Tạ Đình Phong		02/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.25	8.25	1.75	14.25
218	340218	Đỗ Minh Phong		26/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	7.00	4.50	16.50
219	340219	Vũ Thanh Phong		15/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	6.50	4.75	17.00
220	340220	Nguyễn Tiến Phong		22/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	8.50	7.00	20.25
221	340221	Lê Bá Trọng Phú		02/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	7.00	7.00	19.75
222	340222	Nguyễn Hoàng Phúc		26/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	9.00	8.25	23.50
223	340223	Nguyễn Minh Phúc		13/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.75	9.00	6.75	21.50
224	340224	Nguyễn Như Minh Phúc	x	03/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	6.75	6.75	20.00
225	340225	Nguyễn Quang Phúc		24/11/2010	THCS ngoài tỉnh	4.00	9.00	7.75	20.75
226	340226	Nguyễn Xuân Phúc		29/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	8.00	6.00	19.25
227	340227	Đào Ngọc Trúc Phương	x	21/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.25	8.25	3.75	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
228	340228	Trần Thị Mai Phương	x	24/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	7.00	7.00	21.75
229	340229	Nguyễn Trần Bá Phương		09/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.50	9.00	7.50	20.00
230	340230	Đỗ Phạm Tấn Phước		08/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.50	8.75	9.25	25.50
231	340231	Đoàn Minh Quân		09/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.00	8.25	7.50	22.75
232	340232	Mai Ngọc Như Quỳnh	x	07/01/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	9.00	9.00	25.75
233	340233	Phạm Thị Như Quỳnh	x	14/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	8.25	9.00	9.00	26.25
234	340234	Dương Thị Song Quỳnh	x	18/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	8.75	8.50	23.00
235	340235	Lâm Hoàng Thanh Sang		03/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.50	9.00	7.25	23.75
236	340236	Nguyễn Khánh Sang		27/08/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	8.25	8.75	23.25
237	340237	Nguyễn Tấn Sang		14/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	7.25	4.75	17.75
238	340238	Trần Thanh Sang		18/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.50	9.50	9.00	26.00
239	340239	Nguyễn Thành Sang		01/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	5.50	8.50	20.00
240	340240	Trần Lê Sinh		07/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.25	7.50	7.00	20.75
241	340241	Đoàn Minh Sơn		31/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	7.75	4.75	17.75
242	340242	Đặng Tuấn Thái Sơn		02/07/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.50	9.00	3.75	20.25
243	340243	Nguyễn Thành Tài		01/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	7.75	8.75	20.25
244	340244	Trần Võ Ngọc Tài		08/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	8.75	7.75	23.50
245	340245	Mai Phúc Tâm		06/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	7.50	8.00	21.50
246	340246	Ngô Thùy Tâm	x	14/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	8.75	6.75	23.25
247	340247	Vũ Hoàng Tân		07/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.75	7.75	23.25
248	340248	Đỗ Minh Tân		26/02/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.00	8.00	5.50	20.50
249	340249	Vũ Quốc Tấn		01/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.00	8.00	5.75	20.75
250	340250	Trần Quang Thanh		24/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	8.75	9.75	24.75
251	340251	Nguyễn Thị Kim Thanh	x	25/12/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.25	8.75	4.75	19.75
252	340252	Thạch Hồ Ngọc Thảo	x	16/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	8.00	5.25	21.25
253	340253	Nguyễn Thị Thu Thảo	x	12/10/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.75	9.00	7.25	24.00
254	340254	Nguyễn Thu Thảo	x	12/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	8.00	8.50	8.50	25.00
255	340255	Phạm Duy Thái		18/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	8.25	9.00	9.50	26.75
256	340256	Trần Duy Thái		28/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	6.50	2.50	15.50
257	340257	Nguyễn Hoàng Thái		24/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.75	9.00	5.00	19.75
258	340258	Vũ Hồng Bửu Thạch		15/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.00	8.00	8.50	21.50
259	340259	Nguyễn Đức Thạnh		24/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	8.50	8.75	24.25
260	340260	Lê Minh Thắng		04/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.25	9.00	7.00	23.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
261	340261	Nguyễn Toàn Thắng		02/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.25	9.00	8.50	24.75
262	340262	Đỗ Hoàng Anh Thi		12/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	8.75	6.75	21.25
263	340263	Lê Văn Thi		07/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	8.50	5.25	21.00
264	340264	Nguyễn Hoàng Thiên		24/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	9.00	9.00	24.50
265	340265	Nguyễn Hữu Thiện		23/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	9.00	6.75	21.75
266	340266	Trần Nguyễn Phước Thiện		11/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	8.75	7.50	23.75
267	340267	Hồ Thanh Thiện		27/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	7.50	3.25	15.75
268	340268	Nguyễn Thái Gia Thịnh		28/08/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	9.00	8.25	24.00
269	340269	Trần Thùy Anh Thơ	x	26/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	8.00	8.00	7.50	23.50
270	340270	Nguyễn Ngọc Thuần		16/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	8.75	4.50	18.50
271	340271	Nguyễn Phương Thùy	x	11/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.75	8.00	4.00	18.75
272	340272	Nguyễn Thị Thu Thủy	x	05/04/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	8.75	5.75	21.25
273	340273	Huỳnh Trần Phương Thúy	x	24/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.75	9.00	5.25	22.00
274	340274	Nguyễn Hoàng Minh Thư	x	12/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	5.00	8.75	8.00	21.75
275	340275	Nguyễn Hoàng Minh Thư	x	22/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.50	8.75	9.25	25.50
276	340276	Phạm Minh Thư	x	29/05/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.50	8.00	3.50	18.00
277	340277	Trương Ngọc Anh Thư	x	19/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.25	7.50	8.50	22.25
278	340278	Lê Nhật Anh Thư	x	06/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	7.25	7.25	6.75	21.25
279	340279	Nguyễn Thị Anh Thư	x	22/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	6.50	4.00	16.75
280	340280	Nguyễn Vũ Anh Thư	x	09/12/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	8.50	7.00	23.25
281	340281	Nguyễn Lê Thành Thương		09/08/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.75	8.50	7.75	23.00
282	340282	Vũ Hoàng Thủy Tiên	x	28/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	7.50	6.75	20.00
283	340283	Nguyễn Thị Thủy Tiên	x	16/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	8.75	6.50	21.75
284	340284	Phạm Hiền Trang	x	20/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.50	8.75	9.00	25.25
285	340285	Trần Huyền Trang	x	21/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.25	8.50	9.50	25.25
286	340286	Đinh Thị Huyền Trang	x	21/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	8.50	5.50	19.50
287	340287	Bùi Thị Kiều Trang	x	27/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.75	7.50	8.25	22.50
288	340288	Trần Thị Thanh Trang	x	25/09/2010	THCS Trần Nguyên Hân	6.75	9.00	5.25	21.00
289	340289	Lê Thị Thùy Trang	x	04/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.75	8.50	7.25	23.50
290	340290	Nguyễn Thị Thùy Trang	x	15/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	9.00	5.25	21.25
291	340291	Trần Yến Trang	x	02/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	5.25	5.25	16.75
292	340292	Mã Huỳnh Bảo Trân	x	07/09/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	8.75	7.00	22.00
293	340293	Nguyễn Lê Bảo Trân	x	29/01/2010	THCS Trần Nguyên Hân	7.25	8.25	7.50	23.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
294	340294	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	x	29/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.50	8.75	8.25	24.50
295	340295	Nguyễn Thị Bích Trân	x	11/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	7.50	5.25	19.50
296	340296	Nguyễn Hiền Hoàng Triệu		04/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	7.25	6.50	20.00
297	340297	Nguyễn Lê Tú Trinh	x	16/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	8.75	5.25	21.00
298	340298	Nguyễn Phương Trinh	x	11/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	5.00	1.25	10.50
299	340299	Phạm Thị Kiều Trinh	x	31/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.25	7.00	6.00	19.25
300	340300	Nguyễn Trần Văn Trinh	x	26/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	8.00	5.00	20.00
301	340301	Võ Anh Trí		12/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	8.25	5.50	20.25
302	340302	Trần Đình Quốc Trí		14/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	8.75	9.25	24.25
303	340303	Nguyễn Minh Trí		03/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	9.00	7.25	23.25
304	340304	Nguyễn Minh Trí		19/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	8.75	6.00	21.50
305	340305	Trần Văn Trọng		06/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	8.75	8.50	23.25
306	340306	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	x	23/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	8.75	9.25	24.50
307	340307	Đỗ Thị Thanh Trúc	x	29/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	8.50	5.25	20.75
308	340308	Nguyễn Quang Trường		23/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.00	8.75	5.75	21.50
309	340309	Nguyễn Xuân Trường		23/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.00	6.75	5.00	16.75
310	340310	Phạm Trần Anh Tuấn		06/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	8.50	4.25	17.25
311	340311	Lê Hoàng Bảo Uyên	x	27/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	7.25	7.00	21.25
312	340312	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	x	27/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	6.75	5.50	18.75
313	340313	Nguyễn Như Uyên	x	10/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.50	8.50	9.25	24.25
314	340314	Trần Phạm Phương Uyên	x	13/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	6.50	7.25	19.25
315	340315	Dương Thị Thúy Vi	x	01/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	8.50	5.00	18.75
316	340316	Đinh Nguyễn Công Vinh		14/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	9.00	6.75	21.75
317	340317	Bùi Thế Vinh		26/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	8.25	6.50	20.75
318	340318	Nguyễn Bá Vượng		05/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.75	8.50	8.75	22.00
319	340319	Đặng Hà Trúc Vy	x	16/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.50	7.75	7.25	22.50
320	340320	Trần Khả Vy	x	14/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.75	8.75	5.75	22.25
321	340321	Mai Ngọc Vy	x	01/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	6.25	4.75	16.25
322	340322	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	x	17/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	8.50	6.25	21.75
323	340323	Vũ Ngọc Bảo Vy	x	12/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.50	8.25	5.25	20.00
324	340324	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	20/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	8.75	9.00	24.50
325	340325	Lưu Nguyễn Hạ Vy	x	26/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	7.75	5.00	19.25
326	340326	Phạm Nguyễn Phương Vy	x	08/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	8.25	7.00	20.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
327	340327	Nguyễn Thị Bảo Vy	x	26/06/2010	THCS ngoài tỉnh	5.50	3.25	2.50	11.25
328	340328	Nguyễn Thị Lan Vy	x	06/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	6.75	3.00	14.75
329	340329	Bùi Thị Phương Vy	x	07/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	8.75	5.25	19.25
330	340330	Trương Thúy Vy	x	16/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	8.75	4.25	20.00
331	340331	Nguyễn Thị Triệu Vỹ	x	12/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.75	6.00	21.00
332	340332	Phạm Tùng Vỹ		22/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	8.25	5.50	19.50
333	340333	Đinh Thị Thanh Xuân	x	29/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	6.00	4.25	14.75
334	340334	Nguyễn Hoàng Bảo Yến	x	11/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	7.75	6.50	20.25
335	340335	Trần Kim Yến	x	22/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	8.75	8.50	22.75
336	340336	Võ Ngọc Như Ý	x	11/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	6.75	4.75	17.50

Bảng này có 336 thí sinh. Có 336 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.